

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.
2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1993; Có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân T1, sinh năm 1991; Vắng mặt.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh T1 cưới nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 16/7/2018. Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình nhà chồng, khi chị có thai con chung thì chị về bên gia đình nhà chị sống còn anh T1 đi làm, lâu lâu anh T1 về thăm vợ con. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc nữa do anh T1 đi làm không về thăm vợ con, cũng không gửi tiền về nuôi con, chị đòi đi làm chung với anh T1 nhưng anh T1 không đồng ý. Từ giữa năm 2022 đến nay chị và anh T1 không còn gặp nhau, anh T1 cũng không liên lạc hỏi thăm vợ con. Từ lúc không sống chung thì vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh T1. Về nuôi con chung: Vợ, chồng có 01 con chung tên Trần Phi L, sinh ngày 06/01/2019, cháu L sống chung với chị từ khi mới sinh ra cho đến nay, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật kể từ tháng 5/2024 (Tòa án thụ lý vụ án). Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Xuân T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T1 không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Xuân T1. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung Trần Phi L, sinh ngày 06/01/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh T1 cấp dưỡng cho con chung theo quy định pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, còn anh T1 không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Trần Xuân T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Trần Xuân T1 được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét, yêu cầu của chị T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Chị T và anh T1 đã không còn sống chung, hiện tại vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập anh T1 để hòa giải và xét xử theo quy định nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Phi L, sinh ngày 06/01/2019 hiện cháu L đang sống ổn định với chị T. Anh T1 chưa có yêu cầu nuôi con nên chấp nhận giao cháu L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động sinh sống được. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L; mức cấp dưỡng bằng một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với cháu L, do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động sinh sống được **theo quy định tại** khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 4, 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ T. Cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Xuân T1.

2. Về việc nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ T. Chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Phi L, sinh ngày 06/01/2019.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng: Chấp nhận yêu cầu của chị T. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L; mức cấp dưỡng bằng một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng, do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động sinh sống được.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006066 ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, **đã nộp xong án phí.**

4.2. Anh Trần Xuân T1 phải chịu 300.000 đồng án phí **đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.**

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24-7-2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Bình

